TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2018/DS-PT
Ngày: 14 - 3 - 2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

Bà Trần Thị Kim Em

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị C, sinh năm 1971.
Trú tại: Khu phố A, thị trấn B, huyện T, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Lê Văn L, sinh năm 1968 (có mặt) (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/12/2017)
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* 1. Nguyễn Văn U, sinh năm 1966 (có mặt).

2.Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã S, huyện T, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, chị Trương Thị Thanh T - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 29/6/2016, chị Nguyễn Thị C cho anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Kim L vay 122.360.000 đồng, lãi suất 0%/tháng, có lập hợp đồng vay tài sản ngày 29/6/2016 và công chứng tại Văn phòng công chứng huyện T; thời hạn vay 06 tháng; đến ngày 29/12/2016 trả tiền. Chị C có nhiều lần yêu cầu anh U và chị L trả tiền, nhưng cho đến nay anh U và chị L chưa trả tiền cho chị C.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh U và chị L liên đới trả cho chị C tiền vốn 122.360.000 đồng và lãi suất của số tiền trên tính từ ngày 29/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định; yêu cầu trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị T không đồng ý miễn tiền lãi cho anh U, chị L; không đồng ý đối với yêu cầu trả dần tiền của anh U và chị L. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2016, chị L và chồng là anh Nguyễn Văn U có tham gia góp hụi và mượn tiền của chị C. Đến năm 2016, chị L và anh U với chị C đối chiếu lại tiền nợ thì chị L và anh U nợ chị C 122.360.000 đồng, có lập hợp đồng vay tài sản ngày 29/6/2016 và công chứng tại Văn phòng công chứng huyện T; thời hạn vay tiền là 06 tháng; đến ngày 29/12/2016 trả tiền. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên chưa trả tiền cho chị C. Hiện nay chị L và anh U còn nợ chị C 122.360.000 đồng. Chị L đồng ý liên đới với anh U trả lại cho chị C 122.360.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ. Chị L yêu cầu miễn trả tiền lãi suất cho chị C. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:

Anh U thống nhất theo lời trình bày của chị L. Năm 2016, anh U và chị L có vay chị C 122.360.000 đồng, có lập hợp đồng vay tài sản ngày 29/6/2016 và công chứng tại Văn phòng công chứng huyện T. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên chưa trả tiền cho chị C. Hiện nay còn nợ chị C 122.360.000 đồng. Anh U đồng ý liên đới với chị L trả lại cho chị C 122.360.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ. Anh U yêu cầu miễn trả tiền lãi suất cho chị C. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Bản án sơ thẩm số: 253/2017/DS-ST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

Buộc anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 132.240.570 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi đồng*); trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Anh U và chị L phải liên đới nộp 3.306.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị C tiền tạm ứng án phí 3.219.500 đồng theo biên lai số 38839 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 28/11/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Kim L có đơn kháng cáo yêu cầu được trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, vì gia đình không có khả năng trả một lần, không có tài sản nào khác để thi hành án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được trả nợ dần mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Anh Lê Văn L – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C đồng ý cho chị L, anh U trả dần 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng của bị đơn Nguyễn Văn U, Nguyễn Thị Kim L không được anh Lê Văn L – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông L đồng ý cho bà L, ông U trả dần 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, sự tự nguyện của ông L không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Kim L; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Kim L thừa nhận có vay của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C số tiền vốn vay

là 122.360.000 đồng từ ngày 29/6/2016 đến nay chưa trả. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu buộc anh U và chị L liên đới trả tiền vốn vay 122.360.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 29/12/2016. Án sơ thẩm đã xử: Buộc anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 132.240.570 đồng, là có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Kim L kháng cáo đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 132.240.570 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn. Nhưng anh Lê Văn L – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C không đồng ý. Việc yêu cầu được trả dần của anh U, chị L mỗi tháng 6.000.000 đồng nhằm kéo dài thời gian trả nợ và làm ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ của chị C. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L, anh U.

[3] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông L đồng ý cho bà L, ông U trả dần 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Xét sự tự nguyện của ông L không trái pháp luật và có lợi cho chị L, anh U, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh U, chị L. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn U, chị Nguyễn Thị Kim L.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 253/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Phần tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn L – đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Thị C cho anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị C mỗi tháng 30.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 132.240.570 đồng (*Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn năm trăm bảy mươi đồng*). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2

Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1. Về án phí sơ thẩm:

Anh U và chị L có nghĩa vụ liên đới nộp 3.306.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị C tiền tạm ứng án phí 3.219.500 đồng theo biên lai số 38839 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh U và chị L có nghĩa vụ liên đới nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 39073 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2018-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn